

KIẾN NGHỊ
Tổng hợp vi phạm

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân hai cấp 12 tỉnh trong khu vực
Miền Trung – Tây Nguyên.

Căn cứ khoản 2 Điều 5, Điều 27 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Điều 25, Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Qua công tác kiểm sát việc giải quyết đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm các vụ án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân các cấp trong khu vực Miền Trung – Tây Nguyên từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023, thông qua một số vụ án kinh doanh thương mại có kháng nghị giám đốc thẩm Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, phát hiện Tòa án nhân dân các cấp trong khu vực có một số vi phạm, cụ thể như sau:

1. Vụ án giữa nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng và Thương mại H.P và bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu tổng hợp H.Đ về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng 4.587.894.414đ.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2022/KDTM-ST ngày 09/5/2022, Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) thị xã A, tỉnh Đ đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; sau xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 11/2022/QĐ-PT ngày 18/8/2022 của TAND tỉnh Đ đã quyết định: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án trên, lý do: Đại diện hợp pháp của người kháng cáo được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt VKSND) cấp cao tại Đà Nẵng đã ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 48/QĐ-VKS-KDTM ngày 22/6/2023 của đề nghị Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng căn cứ Điều 331, khoản 3 Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử: Hủy toàn bộ

Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vi phạm của Tòa án nhân dân tỉnh Đ: Tại Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 142/2022/QĐ-PT ngày 29/7/2022, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 18/8/2022. Ngày 18/8/2022, Hội đồng xét xử không mở phiên tòa nên không có biên bản phiên tòa, không có biên bản thảo luận của Hội đồng xét xử nhưng Thẩm phán chủ tọa phiên tòa lại ban hành Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục ban hành quyết định.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng do không chấp nhận các lời khai, các tài liệu chứng cứ của bị đơn tại phiên tòa nên không nhận định, đánh giá đối với những lời khai, tài liệu này nên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm không có cơ sở để đánh giá.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 09/2023/KDTM-GĐT ngày 09/8/2023 Hội đồng Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Vụ án giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần dịch vụ và kỹ thuật Cơ điện lạnh R và bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển và xây dựng T về “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh cũng như các khoản phạt do vi phạm các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng với tổng số tiền là 179.599.757.380 đồng .

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của TAND quận N, thành phố Đ tuyên: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 179.599.757.380 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc 131.277.440.380 đồng; tiền lãi 42.451.283.000 đồng và phạt vi phạm Hợp đồng là 5.871.034.000 đồng. Sau xét xử sơ thẩm bị đơn có đơn kháng cáo.

Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm của TAND thành phố Đ quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền nợ gốc và lãi phát sinh của 02 Hợp đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm của 02 Hợp đồng với số tiền là 5.871.034.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn; Sửa một phần bản án, tuyên: Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 157.793.749.534 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 129.645.152.678 đồng và tiền lãi là: 28.148.596.856 đồng. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với số tiền lãi là 11.000.268.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

Ngày 18/4/2023, bị đơn có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên.

Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 59/QĐ-VKS-KDTM ngày 24/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần án phí; sửa bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm và buộc nguyên đơn phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 118.765.739 đồng, với lý do:

Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 179.559.757.380 đồng (đã bao gồm số tiền 11.000.268.000 đồng yêu cầu bổ sung); yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận số tiền 157.793.749.534 đồng và số tiền lãi vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn 11.000.268.000 đồng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận số tiền 10.765.739.846 đồng và theo danh mục án phí lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) thì số tiền án phí sơ thẩm mà nguyên đơn nguyên đơn phải chịu là: 112.000.000 đồng + 6.765.739 đồng (6.765.739.846 đồng x 0,1%) = 118.765.739 đồng nhưng Tòa án cấp phúc thẩm chỉ tuyên buộc nguyên đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 5.000.000 đồng là không đúng.

3. Vụ án giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Xây dựng TL và bị đơn là Công ty TNHH Chăn nuôi TP về việc “*Tranh chấp hợp đồng đấu nối đường dây điện*”.

Nguyên đơn khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty BL có yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chấm dứt việc cho bên thứ ba đấu nối vào đường dây của bị đơn vì đã vi phạm hợp đồng mà bị đơn đã ký với nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đ tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi liên quan.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 10/2022/KDTM-PT ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và người liên quan có yêu cầu độc lập.

Sau khi xét xử phúc thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị giám đốc thẩm. Quyết định giám đốc thẩm số 06/2023/KDTM-GĐT ngày 10/4/2023 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/QĐ-VC2-KDTM ngày 12/12/2022 của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng, huỷ bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm của TAND tỉnh Đ và giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của TAND huyện BĐ, tỉnh Đ với lý do:

Vi phạm của Tòa án cấp phúc thẩm: Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thì đường dây trung áp và Trạm biến áp được đấu nối từ trạm điện lưới Quốc gia đến trạm hạ thế của Công ty BL là sở hữu chung của bị đơn – Công ty TP và Công ty BL, là đường dây giữa hai bên góp vốn chung hình thành, do vậy không bên nào có quyền cho phép bên thứ 3 đấu nối đường dây này khi không có sự đồng ý của hai bên.

Hợp đồng không ràng buộc việc chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mỗi bên đối với đường dây Trung áp và Trạm biến áp này nên Công ty TP có quyền chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình cho Công ty TL và Công ty TL có quyền sở hữu đường dây trung áp và trạm biến áp cùng với Công ty BL theo hợp đồng mà hai bên ký kết theo quy định tại Điều 223 Bộ luật dân sự. Hợp đồng còn thỏa thuận: Đường dây từ trạm điện hạ thế của Công ty BL đến trạm hạ thế của Công ty TP là thuộc quyền sở hữu riêng của Công ty TP và không được quyền cho bên thứ ba đấu nối vào đường dây này khi không có sự đồng ý của Công ty TL. Do đó, kể từ ngày 09/6/2019 đường dây của Công ty TP kéo từ trạm hạ thế của Công ty BL đến trang trại của Công ty TP khi đấu nối của bên thứ ba phải được sự chấp thuận của nguyên đơn.

Mặt khác, theo hợp đồng thỏa thuận thì ông Nguyễn Như Q - đại diện cho Công ty TP (bị đơn) đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty TP cho bà Nguyễn Thị H - Giám đốc công ty TP. Sau khi tiếp nhận Công ty TP, bà Nguyễn Thị H đã cho Công ty Z (gọi tắt là Công ty Z) đấu nối vào đường dây của Công ty TP. Việc bà Nguyễn Thị H cho Công ty Z đấu nối vào đường dây của Công ty TP sau khi tiếp nhận Công ty TP (ngày 04/11/2019) là không đúng theo thỏa thuận giữa Công ty TP (trước đây) với Công ty TL theo Hợp đồng số 01/HĐMB ngày 09/6/2019. Cho nên, bản án sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh ĐL; xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TL và yêu cầu độc lập của Công ty BL là đúng quy định của pháp luật.

Toà án cấp phúc thẩm căn cứ vào Văn bản đề nghị được đấu nối của Công ty Z, Văn bản cho phép đấu nối của Điện lực B ngày 22/9/2021 và Công ty TL không có trụ sở, không hoạt động trên địa bàn xã E để quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TL và yêu cầu độc lập của Công ty BL mà không xem xét đến hiệu lực của Hợp đồng số 01/HĐMB ngày 09/6/2019 là trái quy định của Điều 158, Điều 159, Điều 169 Bộ luật dân sự và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty TL.

4. Vụ án giữa nguyên đơn Công ty TNHH A.M và bị đơn Ngân hàng Thương mại C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Nguyên đơn và Ngân hàng Thương mại C ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn, theo đó Ngân hàng C cấp hạn mức tín dụng là 180 tỷ đồng, tài sản thế chấp là cà phê gửi tại kho Công ty L. Tuy nhiên, Ngân hàng C đã để xảy ra việc mất cà phê nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn hoàn trả giá trị cà phê bị chiếm đoạt là 81.322.154.900 đồng. Khoản tiền này được đối trừ vào dư nợ gốc 96.682.003.444 đồng của nguyên đơn và yêu cầu bị đơn bồi thường cho nguyên đơn khoản thu lợi nhuận thực tế bị mất là 6.437.042.000 đồng, đối trừ vào dư nợ gốc của nguyên đơn tại Ngân hàng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Bị đơn cho rằng nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bị đơn phản tố, đề nghị Tòa án buộc nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/4/2022 là 213.772.317.054 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của TAND thành phố B quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số của Tòa án nhân dân tỉnh Đ: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm số 03/2023/KDTM-GĐT ngày 20/3/2023 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 12/QĐ-VKS-KDTM ngày 10/01/2023 của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và phúc thẩm.

Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm:

Toà án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều căn cứ khoản 1 Điều 317 và khoản 4 Điều 321 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để nhận định không có bất kỳ căn cứ pháp luật nào về việc bên thế chấp "*Chuyển giao quyền sở hữu có thời hạn*" cho bên nhận thế chấp, từ đó không chấp nhận sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng thuê kho giữ hàng hóa 3 bên là nguyên đơn (Công ty A.M), Công ty L và Ngân hàng C là không đúng với nội dung hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Toà án hai cấp đều cho rằng "*Mọi tổn thất do Công ty A.M gánh chịu, Ngân hàng không có trách nhiệm gì*" là không đúng với cam kết, thỏa thuận của các bên khi tham gia ký kết hợp đồng và không đảm bảo "*Lẽ công bằng*" được quy định tại Điều 3 của Bộ luật Dân sự và Điều 45 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bởi lẽ, qua các lần phối hợp với nguyên đơn đến kiểm tra kho hàng, Ngân hàng C không phát hiện ra hàng bị thiếu hụt. Do đó, Ngân hàng C có một phần trách nhiệm trong việc quản lý tài sản thế chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án hai cấp đã không xem xét đến trách nhiệm của Ngân hàng C trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, trong việc không thực hiện ký quỹ đối với Công ty L; thiếu trách nhiệm trong kiểm tra kho hàng, mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật về thế chấp tài sản để không chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

5. Vụ án giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại A và bị đơn ông TĐN, bà TTB về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền gốc, lãi với tổng số tiền là 589.609.536 đồng cho nguyên đơn và phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung; hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 17/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố ĐH, tỉnh Q các đương sự thỏa thuận như sau: Về tiền gốc và tiền lãi: Tính đến ngày 09/01/2023 bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 589.609.536 đồng; Các bên thống nhất phương án và thời gian trả nợ.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do các bên đương sự đã thỏa thuận nên chỉ phải chịu 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nhưng Tòa án xác định bị đơn là cá nhân thuộc trường hợp người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên bị đơn được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự nói trên về phần án phí.

Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm: Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Tuy nhiên, TAND sơ thẩm xác định bị đơn là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là không đúng, gây thiệt hại cho Nhà nước. Bởi lẽ, bị đơn là đại diện hộ kinh doanh vay vốn nhằm mục đích phục vụ nhu cầu hoạt động kinh doanh nên không thuộc trường hợp được miễn án phí.

Thông qua các vụ án kinh doanh thương mại bị cấp giám đốc thẩm hủy, sửa do lỗi của Tòa án hai cấp; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tổng hợp các dạng vi phạm thường gặp trong quá trình giải quyết vụ án gửi Tòa án nhân dân 12 tỉnh trong khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

Để bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân hai cấp trong khu vực Miền Trung – Tây Nguyên có biện pháp phòng ngừa, khắc phục vi phạm nêu trên để hạn chế tình trạng án hủy, sửa do lỗi chủ quan của Tòa án. / *VT*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c VT VC2 (b/cáo);
- Đ/c PVT phụ trách V4;
- VKS 12 tỉnh MT – TN (để biết);
- Lưu VP V4, VP VC2. *m*



Nguyễn Văn Chiến

